TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2023/QĐST-DS	*Tam Nông, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 447/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị M, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số X, tổ X, khóm X, phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Văn B, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số X, tổ X, khóm X, phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn N (chết).

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn N:

1. Nguyễn Thị A, sinh năm 1945; (vợ ông N)
2. Nguyễn Thành L, sinh năm 1967; (con ông N)
3. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968; (con ông N)
4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; (con ông N)
5. Nguyễn Kim T, sinh năm 1976; (con ông N)
6. Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; (con ông N)
7. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972. (con ông N)

Cùng địa chỉ: Tổ X, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Kim P, sinh năm 1974. (con ông N)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị A, Nguyễn Thành L, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Kim T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Kim P là ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ X, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Thanh H *(ông H là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Kim P)* và bà Võ Thị M thống nhất xác định ranh đất tranh chấp giữa hai bên như sau:

Mốc 1: Lấy từ đường nước (giáp kênh số 1) đo qua đất bà M giáp với đất bên ông N có chiều dài là 44,30 mét (Từ mốc số 13 đo qua mốc số 1);

Mốc 2: Lấy từ đường nước đo qua đất bà M giáp với đất bên ông N có chiều dài là 44,30 mét (Từ mốc số 12 đo qua mốc số 14);

Mốc 3: Lấy từ đường nước (giáp bờ kênh P) đo qua đất bà M giáp với đất bên ông N có chiều dài là 44,30 mét (Từ mốc số 9 đo qua mốc số 6).

Lấy từ mốc số 6 nối đến mốc số 14 thành 1 đường thẳng có chiều dài là 502,4 mét; lấy từ mốc số 14 nối đến mốc số 1 thành 1 đường thẳng có chiều dài là 173,61 mét là ranh đất giữa các bên.

Theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông.

- Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị M tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 19.627.000đ (Mười chín triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) (đã nộp xong).

- Về án phí:

+ Bà Võ Thị M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Kim P phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

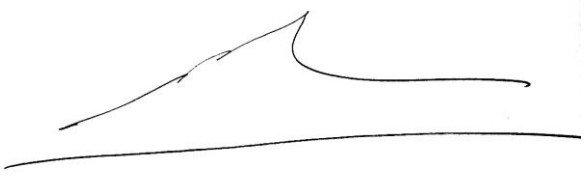
4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tam Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký
Lê Hoàng Vũ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tam Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN



Nguyễn Duy Khang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).